TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST.
Ngày: 29 - 9 - 2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bình.

2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Lý Lệ H - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đoan T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh N (Theo Quyết định v/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Đức K – Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh N (Theo Giấy ủy quyền số 71/2023/GUQ ngày 20/6/2023 V/v tham gia tố tụng) *(Có mặt)*.

2/ Bị đơn: Bà Trần Thị Xuân T1 - sinh năm 1971 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2023 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Phạm Đức K trình bày:

Ngày 19-10-2021, bà Trần Thị Xuân T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S *(Viết tắt là Ngân hàng)* Hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ) – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*; lãi suất 31,2%/năm, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.872.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau được quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S *(Viết tắt là bản Điều khoản)*. Bà Trần Thị Xuân T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của bản Điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.460.000 đồng (Chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản; cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo Điều 21 và thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến trong kỳ.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản) nên ngày 15-11-2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư

nợ tại thời điểm này là 20.016.351 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 29-9-2023, bà Trần Thị Xuân T1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 28.291.029 đồng; Trong đó: Số tiền gốc là 20.016.351 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 8.274.678 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Xuân T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền là 28.291.029 đồng; Trong đó: Số tiền gốc là 20.016.351 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 8.274.678 đồng và lãi suất trên số tiền nợ gốc phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 30-9-2023 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là bà Trần Thị Xuân T1: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Xuân T1 nhưng bà T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc bà Trần Thị Xuân T1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29-9-2023 là 28.291.029 đồng; Trong đó: Số tiền gốc là 20.016.351 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 8.274.678 đồng và lãi suất trên số tiền nợ gốc phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 30-9-2023 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Xuân T1 phải trả

tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Xuân T1 có nơi cư trú tại khu phố F, phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Xuân T1 nhưng bà T1 không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp; Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và bà Trần Thị Xuân T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì: Ngày 19-10-2021, bà Trần Thị Xuân T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 Thẻ tín dụng với mức sử dụng là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*. Từ ngày kích hoạt thẻ; bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.872.000 đồng và đến khi ngưng thanh toán còn thiếu Ngân hàng số tiền 20.016.351 đồng. Sau đó bà T1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng.

Như vậy, bà Trần Thị Xuân T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà T1 sang nợ quá hạn là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2.2]. *Về lãi suất*: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp tín dụng là 31,5%/năm, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của bản Điều khoản). Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay

đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng; bà T1 đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng từ ngày thực hiện giao dịch rút tiền đến ngày 15-11-2022 mà không có ý kiến gì.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 15-11-2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 20.016.351 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với quy định tại Điều 418 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. *Về các loại phí liên quan đến thẻ*: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 18 của bản Điều khoản. Bà Trần Thị Xuân T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của bản Điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà Trần Thị Xuân T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.4]. Từ các phân tích như trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Xuân T1 trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29-9-2023 là 28.291.029 đồng; Trong đó: Số tiền gốc là 20.016.351 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 8.274.678 đồng và lãi suất trên số tiền nợ gốc phát sinh theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 30-9-2023 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về án phí*: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Xuân T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.291.029 đồng x 5% = 1.415.000 đồng (đã làm tròn số). Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc bà Trần Thị Xuân T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 28.291.029 đồng *(Hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn không trăm hai mươi chín đồng)*; Trong đó: Số tiền gốc là 20.016.351 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 8.274.678 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-9-2023), bà Trần Thị Xuân T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S) ngày 19-10-2021 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi bà Trần Thị Xuân T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Xuân T1 phải chịu 1.415.000 đồng (Một triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng *(Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005481 ngày 23-6-2023 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-9-2023). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Lưu (Hồ sơ, AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Trần Thanh Thư